

Yên Thế, ngày 27 tháng 4 năm 2022

Số: /TTYT-DTTB
V/v: Đề nghị báo giá dịch vụ
thẩm định giá TTBYT

Kính gửi: Các doanh nghiệp đủ điều kiện
kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng khoa học đơn vị về việc thống nhất các nội dung về kế hoạch, nhu cầu sử dụng, danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa thuộc danh mục gói thầu: Mua sắm trang thiết bị y tế (máy gây mê kèm thở) của Trung tâm Y tế huyện Yên Thế;

Để có căn cứ lập dự toán trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm trang thiết bị y tế theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn có liên quan, Trung tâm Y tế huyện Yên Thế đề nghị các doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá gửi báo giá dịch vụ thẩm định giá đến Trung tâm Y tế huyện Yên Thế để đơn vị tổ chức xem xét, đánh giá thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

Ghi chú: Chi tiết Danh mục, số lượng, thông số và đặc tính kỹ thuật của trang thiết bị có phụ lục kèm theo.

Địa chỉ nhận báo giá:

- Địa chỉ hộp thư điện tử của Khoa Dược Trung tâm Y tế huyện Yên Thế:
daiduoocyenthe@gmail.com

- Địa chỉ nhận bản gốc báo giá: Trung tâm Y tế huyện Yên Thế, địa chỉ:
Thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Số điện thoại liên hệ: Ông Đặng Hữu Tuấn – Giám đốc Trung tâm: 0913.073.122; Ông Trần Ngọc Đại– Trưởng Khoa Dược, vật tư TTBYT: 0915.320.262; Số ĐT đơn vị: 02043.876.267;

Thời gian nhận báo giá từ ngày **27/4/2022** đến hết **16 giờ 30 phút** ngày **06/5/2022**.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công thông tin Sở Y tế,
TTYT Yên Thế;
- Lưu:VT.

GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Tuấn

**CHI TIẾT DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, ĐẶC TÍNH VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
CỦA HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH GIÁ**

(Kèm theo Công văn số /TTYT-DTTB ngày 27/4/2022 của Trung tâm Y tế huyện Yên Thế)

STT	Danh mục hàng hóa	Chủng loại trang thiết bị y tế;	Hãng, nước sản xuất; hãng, nước chủ sở hữu	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT-BYT (Thiết bị chính)	Đơn giá kê khai theo quy định tại ND 98/2021/NĐ-CP của Chính phủ (giá bán tối đa – nếu có)	Đơn giá (đồng)	Đơn vị tính	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1	<p>Máy gây mê kèm thở và máy theo dõi khí mê</p> <p>I. CẤU HÌNH THIẾT BỊ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 chiếc - Phụ kiện kèm theo bao gồm: + Dây thở kèm bóng bóp cho người lớn sử dụng nhiều lần: 01 bộ + Dây thở kèm bóng bóp cho trẻ em sử dụng nhiều lần: 01 bộ + Mặt nạ gây mê dùng nhiều lần cho người lớn: 01 cái + Mặt nạ gây mê dùng nhiều lần cho trẻ em: 01 cái + Dây dẫn khí thải mê: 01 cái + Dây dẫn khí Oxy chịu áp lực, dài khoảng 3 m: 01 cái + Dây dẫn khí nén chịu áp lực, dài khoảng 3 m: 01 cái + Cảm biến Oxy: 01 cái + Cảm biến lưu lượng: 05 cái/hộp 	Fabius Plus	Drägerwerk AG & Co. KgaA / Đức	Nhóm 1	1.100.000.000		Chiếc	01	

<ul style="list-style-type: none"> + Bình bốc hơi Sevoflurane: 01 bình + Bình hấp thụ CO2: 01 bộ + Can vôi sô-đa (05 lít): 01 can + Phôi giả: 01 cái + Bộ gá để gắn máy theo dõi khí mê lên máy gây mê : 01 bộ + Xe đẩy đồng bộ với 4 bánh xe có phanh hãm: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ <p>II. TÍNH NĂNG VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT</p> <p>1. Phần máy gây mê:</p> <p>1.1. Tính năng chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng cho cả người lớn và trẻ em - Có thể gây mê dòng thấp (low-flow) - Có chức năng khởi động nhanh trong trường hợp khẩn cấp cho phép thông khí thủ công khi máy đang tắt, bật, hoặc đang ở chế độ chờ standby giúp hỗ trợ nhanh hơn. Chức năng thông khí tự động vẫn tạm thời tiếp tục hoạt động ngay cả khi nguồn cấp khí bị lỗi - Tích hợp ác quy bên trong máy, sử dụng khi mất điện với thời gian hoạt động ít nhất là 45 phút, có thể lên đến 120 phút - Lưu lượng các khí sạch cấp được theo dõi thông qua các cột lưu lượng khí bằng thủy tinh. - Có 2 hệ thống khí: khí O2 và khí nén: + Khí O2: 0,02 đến 10 lít/phút \pm 10% 								
--	--	--	--	--	--	--	--	--

<ul style="list-style-type: none"> + Khí nén: 0,02 đến 12 lít/phút \pm 10% - Cung cấp Oxy khẩn cấp với lưu lượng cực đại khoảng 75 lít/phút tại áp lực 87 psi (6kPa x 100) - An toàn: + Bảo động bằng âm thanh và ánh sáng khi áp lực Oxy giảm xuống dưới 20 psi (khoảng 1,38 bar) + Khi nguồn cấp điện chính và ắc quy bị lỗi, việc giúp thở, cung cấp khí nén và thuốc mê có thể được thực hiện bằng tay + Có các van xả an toàn: ✓ Áp lực dương, mở tại áp lực khoảng 75 ± 5 cmH₂O (hPa) ✓ Áp lực âm: mở tại áp lực khoảng $- 8 \pm 2$ cmH₂O (hPa) - Cảm biến đo lưu lượng khí sử dụng công nghệ sợi nhiệt với độ chính xác cao - Có chức năng hiệu chỉnh cho các cảm biến ôxy và cảm biến lưu lượng 1.2. Bình bốc hơi: - Có thể lắp cùng một lúc 02 bình bốc hơi. Mỗi loại bình bốc hơi có màu sắc khác nhau - Có khoá an toàn đảm bảo chỉ một loại thuốc mê được sử dụng khi lắp đồng thời 02 bình bốc hơi - Nồng độ thuốc mê: Sevoflurane 0,2 đến 8% - Lưu lượng: 0,2 đến 15 lít/phút 								
--	--	--	--	--	--	--	--	--

<ul style="list-style-type: none"> – Thể tích thuốc gây mê: 360 ml – Góc nghiêng cho phép trong quá trình hoạt động: 30 độ 1.3. Hệ thống thở lại với bình vô sinh đa để hấp thụ than khí: – Bình hấp thụ CO₂ từ bệnh nhân (loại dùng nhiều lần) với dung tích 1,5 lít. – Có van APL giúp điều chỉnh giới hạn áp lực; xả khí thừa trong quá trình bóp bóng bằng tay và bệnh nhân tự thở. – Có công nổi để nối với các cảm biến: ôxy, lưu lượng 2. Phần máy thở: 2.1. Các tính năng chung – Máy thở chạy điện, hoạt động không tiêu thụ khí sạch và có khả năng thông khí giống như máy thở dùng cho phòng ICU – Có chế độ tự kiểm tra máy (system – test) – Có chức năng chuyển máy về chế độ chờ (Standby mode) – Có chức năng kiểm tra độ rò rỉ (hệ thống ống thở, máy thở, van xả an toàn vv....) và đo độ giãn nở hệ thống – Có khả năng bù rò rỉ khí cho máy thở lên tới 150 ml/phút – Có khả năng bù rò rỉ khí cho toàn hệ thống lên tới 250 ml/phút – Có khả năng bù độ dẫn nở hệ thống lên tới 6,5 mL/cmH₂O 								
--	--	--	--	--	--	--	--	--

<ul style="list-style-type: none"> - Có chức năng truy cập vào nhật ký các sự kiện báo động (Alarm log) - Có chức năng khôi phục lại thông số đã được cài đặt mặc định (thể tích thở, áp lực thở, hỗ trợ áp lực, SIMV/PS, các giới hạn báo động, âm lượng báo động, vv...) - Máy thở với các kiểu thở: <ul style="list-style-type: none"> + Thở bóp bóng bằng tay (MAN) + Bệnh nhân tự thở (SPONT) + Thông khí kiểm soát thể tích (VCV) + Thông khí kiểm soát áp lực (PCV) <p>2.2. Các thông số cài đặt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tần số thở: từ 4 đến 60 nhịp/phút - Áp lực dương cuối kỳ thở ra (PEEP): từ 0 đến 20 cmH₂O (hPa) - Thể tích khí lưu thông (Vt): Từ 20 đến 1400 ml ở mode kiểm soát thể tích - Tỷ lệ hít vào/ thở ra (Ti/Te): từ 4:1 đến 1: 4 - Giới hạn áp lực: từ 15 đến 70 cmH₂O (hPa) - Độ nhạy: từ 2 đến 15 lít/phút - Áp lực hít vào (Pinsp): PEEP + 5 đến 65cm H₂O - Lưu lượng hít vào (InspFlow): Từ 10 đến 75 lít/phút ở mode kiểm soát thể tích - Tỷ lệ ngừng thở vào (Tip:Ti): từ 0 đến 50% 								
--	--	--	--	--	--	--	--	--

<ul style="list-style-type: none"> - Tần số thở nhỏ nhất để phát hiện ngưng thở: từ 3 đến 20 nhịp/phút và “Tắt” 2.3. Hệ thống đường thở - Tổng thể tích đi vào hệ thống đường thở: 1,7 lít bao gồm cả bình hấp thụ khí CO₂, không bao gồm hệ thống ống thở và bóng bóp - Hệ thống đường thở tích hợp gắn ngoài giúp dễ dàng tháo lắp và tiết trùng, có thể gắn ở bên trái hoặc bên phải của máy để phù hợp với từng vị trí đặt máy trong phòng mổ 3. Chức năng theo dõi - Màn hình hiển thị độ phân giải cao 6.5 in, dùng để theo dõi mọi thông số thở và đồ thị sóng áp lực đường thở - Hiển thị các tham số: Tần số thở; thể tích khí lưu thông thở ra, thông khí phút thở ra, áp lực đỉnh đường thở, và áp lực trung bình hoặc áp lực cao nguyên. - Dải hiển thị thông khí phút thở ra: từ 0 đến 99 lít/phút - Có chức năng tự động chuyển sang chế độ tiết kiệm năng lượng khi không sử dụng 4. Cài đặt báo động - Báo động bằng âm thanh, đèn LED và thông báo (message) trên màn hình khi có sự bất thường hoặc các thông số vượt quá giá trị cài đặt. 								
---	--	--	--	--	--	--	--	--

<ul style="list-style-type: none"> - Báo động với 3 mức độ cảnh báo khác nhau: + Cảnh báo nguy hiểm + Cảnh báo thận trọng + Cảnh báo hướng dẫn - Cài đặt báo động: ít nhất gồm các thông số sau: + Nồng độ ôxy cao: 19 đến 100% + Nồng độ ôxy thấp: 18 đến 99% + Thể tích thở mỗi phút cao: 0,1 đến 20,0 Lít/phút + Thể tích thở mỗi phút thấp: 0,0 đến 19,9 Lít/phút + Áp lực đường thở cao: 10 đến 70 cmH2O + Ngưỡng áp lực phát hiện ngưng thở áp lực: 5 đến 30 cmH2O (báo động ngưng thở áp lực khi áp lực đường thở xuống dưới mức cài đặt này) - Có nút tạm tắt báo động trong khoảng 2 phút - Hiển thị thông báo trên màn hình khi có sự bất thường hoặc các thông số vượt quá giá trị cài đặt (như không có kết nối nguồn điện, áp lực đỉnh đường thở cao, thông khí ngưng thở, rò rỉ khí, cảm biến lưu lượng lỗi, cảm biến oxy lỗi, nồng độ ôxy thở vào cao/thấp, nguồn khí sạch cung cấp thấp, thông khí phút cao/thấp, không có khí sạch, dây thở lỗi v.v...). <p>5. Hệ thống xe đẩy</p>								
---	--	--	--	--	--	--	--	--

<ul style="list-style-type: none"> - Di chuyển bằng 4 bánh xe, có phanh hãm - Có 3 ngăn kéo đựng dụng cụ - Có bàn ghi chép rộng cho bác sỹ - Tích hợp thanh ray chuẩn ở hai bên sườn máy <p>6. Các thông số kỹ thuật khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 1 cổng kết nối truyền thông dữ liệu RS 232 - Dữ liệu có sẵn để trích xuất : Tất cả các báo động, dữ liệu áp lực, O2 và thể tích, cài đặt thông số máy thở, đường cong lưu lượng và đường cong áp lực <p>7. Máy theo dõi khí mê</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Model: Vamos ✓ Hãng sản xuất: Drägerwerk AG & Co. KgaA ✓ Xuất xứ: Đức <p>* Cấu hình cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính với màn hình hiển thị : 01 cái - Bẫy nước: 01 bộ - Dây trích khí lấy mẫu: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ <p>* Đặc tính – Thông số kỹ thuật</p> <p>* Đặc tính chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thông số đo: CO2, N2O, 5 loại khí mê - Phương pháp đo khí: thông qua lấy mẫu từ nhịp thở này đến nhịp thở kia - Thời gian đáp ứng: < 500 ms (với các 								
--	--	--	--	--	--	--	--	--

<p>thuốc gây mê), < 350 ms (CO₂)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên lý đo : Công nghệ đo bằng tia hồng ngoại tiên tiến (ILCA), phương pháp “sidestream” - Độ chính xác: Tuân theo tiêu chuẩn ISO 21647 - Tốc độ lấy mẫu: 200 mL/phút <p>* Hiện thị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng màn hình điện phát quang hỗ phách độ phân giải cao với góc nhìn rộng cả chiều dọc lẫn chiều ngang - Kích thước màn hình hiển thị 5” đường chéo 4.25” x 2.28” (127 mm đường chéo 108 x 58 mm) - Hiện thị đồ thị dạng sóng khí CO₂ - Nhịp mạch - Hiện thị bằng con số: + Nồng độ thở vào (Fi) cho các khí CO₂, N₂O và khí mê đang được sử dụng + Nồng độ cuối kỳ thở ra (Fet) cho các khí CO₂, N₂O và khí mê đang được sử dụng - + Công suất tiêu thụ : Công suất tiêu thụ cực đại khi khởi động và làm ấm < 55 W, trong suốt quá trình vận hành 								
--	--	--	--	--	--	--	--	--